

Số: 788/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 695/2015/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 270/TTr-STNMT ngày 03/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này, UBND tỉnh quyết định hoặc giao cho cơ quan có liên quan lựa chọn đơn vị sự nghiệp công lập để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo hình thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải



PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Được ban hành kèm theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh)

1. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực đất đai

- Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng cấp tỉnh, cấp huyện;
- Thông kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Điều tra đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất;
- Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể;
- Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính; cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Đấu giá quyền sử dụng đất;
- Lập, thẩm định, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

2. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực tài nguyên nước

- Lập, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh (*quy hoạch phân bổ; quy hoạch bảo vệ; quy hoạch phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra*);

- Điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất và xả thải nước vào nguồn nước. Kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước; lập kế hoạch phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm;

- Xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông nội tỉnh;

- Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; trám lấp giếng không sử dụng.

- Đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố ô nhiễm nguồn nước gây ra; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

- Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

3. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực Địa chất và khoáng sản

- Lập, điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Thăm dò, đánh giá trữ lượng các điểm khai thác khoáng sản phục vụ mục đích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

4. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực Môi trường

- Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học;

- Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh; quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Quan trắc môi trường tỉnh; thống kê môi trường tỉnh; lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh, báo cáo chuyên đề về môi trường theo yêu cầu (nếu có);

- Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động;

- Xây dựng, cập nhật bộ chỉ thị môi trường;

- Ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

5. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại;

- Quan trắc, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học;

- Điều tra, thống kê, kiểm kê đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học; Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

6. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

- Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn;

- Giám sát biến đổi khí hậu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu;

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

7. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám

- Đo đạc lưới địa chính; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;

- Thành lập bản đồ hành chính (*trừ bản đồ hành chính cấp tỉnh*), bản đồ chuyên đề (*bản đồ địa hình, bản đồ môi trường...*) và một số loại bản đồ khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Giám sát tài nguyên môi trường, thiên tai bằng công nghệ viễn thám.

8. Sản phẩm của hoạt động lĩnh vực Thông tin, truyền thông về tài nguyên và môi trường:

- Thu thập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin tư liệu tài nguyên và môi trường;

- Giám sát đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công nghệ thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia: Đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ và thông tin địa lý, biến đổi khí hậu và viễn thám theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

- Thông tin, tuyên truyền về tài nguyên và môi trường.